

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
GV: Nguyễn Thị Nền
Tổ: Ngữ văn, KHBD khối 12
Ngày soạn: 25/10/2025
Ngày dạy: Tuần 9
Tiết 25

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I-12

L.M.A TRẦN, BẢNG ĐẶC TẢ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NGỮ VĂN 12 NĂM HỌC 2025-2026

1.Khung ma trận đề 100% tự luận - Lớp 12

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức/Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc	Văn bản thơ	2 (15%)	3 (30%)	1 (15%)	60
2	Viết	Nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích/tác phẩm truyện.	1* (10%)	1* (15%)	1* (15%)	0
			25%	45%	30%	100
Tỉ lệ chung			70%		30%	

2. Bảng đặc tả:

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Đọc hiểu	Văn bản thơ	Nhận biết: - Nhận biết thể thơ. - Nhận biết nhân vật trữ tình. - Nhận biết được từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu của bài thơ. Thông hiểu: - Nêu được nội dung, chủ đề của bài thơ - Phân tích được các biện pháp tu từ trong văn bản và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này. - Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ. - Phân tích, lí giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Vận dụng:	2	3	1

			- Thể hiện suy nghĩ cá nhân về một vấn đề của tác phẩm.			
2	Viết	Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích/tác phẩm văn học	Nhận biết: - Giới thiệu được ngắn gọn, đầy đủ về hai đoạn trích/ tác phẩm văn học. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của bài văn nghị luận. - Sử dụng các thao tác lập luận chính gồm so sánh, đánh giá trong bài viết. Thông hiểu: - Lựa chọn được những căn cứ, cơ sở hợp lí, khoa học để so sánh. - Phân tích, chỉ ra được những điểm giống và khác nhau giữa hai đoạn trích/tác phẩm văn học. - Lí giải được lí do dẫn tới sự giống và khác nhau. Vận dụng: Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của sự giống và khác nhau giữa hai văn bản theo quan điểm riêng của cá nhân. - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.			

II. CÁCH THỨC TRẢ LỜI PHẢN ĐỌC HIỂU:

1. Nhận biết:

- Nhận biết thể thơ: 7 chữ, tự do, lục bát...
- Nhận biết nhân vật trữ tình: có thể là tôi hoặc chủ thể nào đó
- Nhận biết được từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu của bài thơ....

Thông hiểu:

- Nêu được nội dung, chủ đề của bài thơ
- Phân tích được các biện pháp tu từ trong văn bản và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này.
- Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ.
- Phân tích, lí giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

Vận dụng:

- Thể hiện suy nghĩ cá nhân về một vấn đề của tác phẩm.

III. HỆ THỐNG HÓA CÁC KIẾN THỨC ĐÃ HỌC VỀ BÀI NGHỊ LUẬN SO SÁNH 2 TÁC PHẨM TRUYỆN.

1. Mở bài

- Dẫn dắt và giới thiệu đối tượng so sánh: tên hai tác phẩm, hai tác giả.
- Nêu vấn đề cần so sánh.

2. Thân bài

*** Đoạn văn khái quát chung**

- Giới thiệu vài nét về hai tác giả (Nếu là tác giả được học trong chương trình hoặc được giới thiệu trong đề thi).

- Giới thiệu vài nét về hai tác phẩm:

+ Hoàn cảnh ra đời (Căn cứ vào phần chú thích giới thiệu trong đề thi).

+ Đề tài, cốt truyện, nhân vật chính (Căn cứ vào văn bản).

- Khái quát điểm giống và khác nhau được thể hiện qua hai tác phẩm/ đoạn trích.

*** Luận điểm 1. Điểm giống nhau của hai tác phẩm/ đoạn trích về nội dung, nghệ thuật.**

+ **Điểm giống về nội dung:** Đề tài, chủ đề, hình tượng nhân vật, giá trị hiện thực, nhân đạo,... của hai tác phẩm truyện.

+ **Điểm giống về nghệ thuật:** Ngôi kể, điểm nhìn, cốt truyện, kết cấu truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu,... của hai tác phẩm truyện.

*** Luận điểm 2. Điểm khác nhau của hai tác phẩm/ đoạn trích về nội dung, nghệ thuật.**

- **Điểm khác nhau về nội dung:**

+ **Tác phẩm/ đoạn trích 1:** Tư tưởng chủ đề của tác phẩm có gì khác? Số phận cuộc đời, vẻ đẹp của hình tượng nhân vật trong tác phẩm có gì khác? Nét mới về giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo, tư tưởng chủ đề của tác phẩm?

+ **Tác phẩm/ đoạn trích 2:** Nét khác biệt về tư tưởng chủ đề của tác phẩm là gì? Hình tượng nhân vật có số phận cuộc đời, vẻ đẹp như thế nào? Có điểm khác biệt như thế nào? Nét mới về giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo của tác phẩm?

- **Điểm khác nhau về nghệ thuật:**

+ **Tác phẩm/ đoạn trích 1:** Ngôi kể, điểm nhìn, cốt truyện, kết cấu truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu,...

+ **Tác phẩm/ đoạn trích 2:** Ngôi kể, điểm nhìn, cốt truyện, kết cấu truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu,...

*** Luận điểm 3. Lí giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa.**

- **Lí giải vì sao có điểm tương đồng, khác biệt?**

+ Bối cảnh thời đại.

+ Đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn văn học.

+ Phong cách nghệ thuật riêng của tác giả.

- **Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt:**

+ Sự thống nhất trong quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả, đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn; xu thế chung của thời đại.

+ Sự độc đáo, đa dạng trong phong cách nghệ thuật. Sự phong phú của nền văn học.

*** Đoạn văn đánh giá**

- Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.

- Khẳng định sự đóng góp của hai tác phẩm, hai tác giả.

3. Kết bài

- Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm. Có thể nêu những ấn tượng của bản thân.

IV. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

ĐỀ

I. Đọc hiểu (6đ)

Đọc bài thơ sau: Sống đẹp

Vẻ đẹp không chỉ trên gương mặt
Ở bên ngoài hào nhoáng phần son
Những hàng hiệu những khoe khoang huyênh hoàng
Còn nhìn ra từ sâu thẳm tâm hồn

Tâm hồn đẹp – những con người sống đẹp
Như nắng như mưa như một lẽ thường tình:
Lòng trắc ẩn với phận đời khốn khó
Đưa bàn tay khi ai đó cần mình

Một bàn tay, triệu bàn tay thiện nguyện
Góp cho đời thêm muôn sắc thắm tươi

Bông hoa đẹp tỏa trầm hương lặng lẽ
Khiến giọt lệ rơi được thấp sáng nụ cười

Trong đêm đen dẫu mịt mù giông tố
Vẫn còn đây “bàn tay ấm” lặng thầm
Vẫn còn đó “trái tim yêu” sống đẹp
Vạn cuộc đời được san sẻ tình thân

Rất cao thượng những tấm lòng hào hiệp
Ai khổ đau, họ an ủi đồng hành
Sống là cho tự nhiên niềm vui sống
Góp cho đời tươi lại những màu xanh...

(20/4/2023)

(Lê Minh Quốc, Dẫn theo báo Thanh niên số 112, Ngày 22/4/2023)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ trong đoạn trích.

Câu 2. Chỉ tiết nào trong bài thơ nêu lên biểu hiện của những con người có tấm lòng hào hiệp?

Câu 3. Phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ ẩn dụ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*Bông hoa đẹp tỏa trầm hương lặng lẽ
Khiến giọt lệ rơi được thấp sáng nụ cười*

Câu 4. Nêu chủ đề bài thơ?

Câu 5. Phân tích mạch cảm xúc bài thơ?

Câu 6. Anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) thể hiện suy nghĩ về vấn đề rút ra từ văn bản?

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai văn bản truyện dưới đây:

Sáng hôm sau, cúng cơm sáng xong xuôi, cô Thảo lại sắm sửa đi qua làng Mỹ-Lý. Cô gọi mấy đứa em đến gần rồi cho mỗi đứa năm xu. Trong nhà ai cũng khen cô rộng rãi và biết thương em, nên cô vui sướng lắm. Đang lúc cao hứng cô còn hứa sẽ gửi cho mẹ hai cặp quần áo mới để mặc Tết nữa. Nhưng chính cô cũng không biết sẽ lấy đâu ra hai cặp quần áo ấy. Chỉ trong nháy mắt cô Thảo đã phân phát tất cả số tiền cô đã dành dụm trong một năm. Lúc sắp sửa lên đường, bà Vạn cho cô nửa con gà và một gói xôi để về nhà chồng. Lúc ra đi cô cảm động quá, đứng bên mẹ và mấy em khóc nức nở. Về nhà chồng, cô Thảo lại làm việc từ mai đến chiều, tối tắm cả mày mặt. Lúc nào cô cũng nhớ đến mẹ nghèo, đến em thơ, nhưng nhớ thì lòng cô lại buồn ngủi, trí cô lại bận rộn. Rồi chiều chiều gặp những lúc nhàn rỗi, cô lại ra đứng cửa sau vờ vẫn nhìn về làng Quận-Lão. Nhưng làng Quận-Lão ẩn sau đám tre xanh đã kéo một gạch đen dài trên ven đồi xa thẳm.

(Trích *Quê mẹ*, Thanh Tịnh. In trong tập *Quê mẹ*, NXB Kim Đồng, 2006)

Tâm lần ruột ruột lấy ra gói bạc giấy cuộn tròn. Số tiền nàng vừa lấy định trang trải các công nợ và lo sưu thuế cho Bài. Nhưng thấy vẻ mặt vui mừng của em, nàng quên mất cả những nỗi lo sợ đang chờ nàng.

Lúc Tâm ra về, trời đã tối. Nàng vội vã bước mau để về cho con bú. Sương mù xuống phủ cả cánh đồng, và gió lạnh nổi lên, Tâm thu vạt áo lại cho đỡ rét, lần theo bờ cỏ đi. Lòng nàng mệt nhọc và e ngại: lấy đâu mà bù vào chỗ tiền đưa cho em? Tâm nhớ lại những lời dặn của mẹ chồng và những câu giận dữ của Bài mỗi khi hỏi nàng không có tiền. Nàng nghĩ đến những ngày buôn bán được, ngày không, Tâm dần bước. Cái vòng đen của rặng tre làng Bàng bỗng vụt hiện lên trước mặt, tối tăm và dày đặc. Tâm buồn rầu nhìn thấu cả cuộc đời nàng, cuộc đời cô hàng xén từ tuổi trẻ đến tuổi già toàn khó nhọc và lo sợ, ngày kia như tấm vải thô sơ. Nàng cúi đầu đi mau vào trong ngõ tối.

(Trích *Cô hàng xén*, Thạch Lam. In trong tập *Truyện ngắn Thạch Lam*, NXB Văn học, 2003)

Chú thích:

Quê mẹ xoay quanh nhân vật Thảo, người con gái đi lấy chồng xa, điều kiện nhà chồng không dư dả nên thật lâu cô mới được về quê mẹ ăn giỗ. Để cha mẹ yên lòng và được về mặt cùng bà con họ hàng, Thảo phải tỏ ra có điều kiện, phóng khoáng. Nhưng chính cô cũng mơ hồ nhận ra những vất vả phía trước. Đoạn trích đi sâu diễn tả những tâm tư của Thảo khi nghĩ về chặng đời trước mắt.

Cô hàng xén là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Thạch Lam. Cốt truyện xoay quanh cuộc sống đời thường của nhân vật cô hàng xén tên Tâm với biết bao lo toan khó nhọc từ khi sinh ra đến khi lấy chồng. Trích đoạn giúp ta hiểu rõ nét hơn về tính cách, tâm hồn cô hàng xén Tâm.

ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	- Số chữ của các câu thơ trong bài thơ không bằng nhau là dấu hiệu để nhận biết thể thơ tự do của bài thơ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời được 1 trong 2 ý: 0.5 điểm + Thể thơ tự do + Số chữ của các câu thơ trong bài thơ không bằng nhau - Học sinh không trả lời hoặc trả lời không chính xác: 0.0 điểm	0,75
	2	- Những chi tiết nêu lên biểu hiện của những con người có tâm lòng hào hiệp là: <i>Ai khổ đau họ an ủi đồng hành, sống là cho, góp cho đời tươi lại những màu xanh...</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời được 1 ý như trong đáp án: 0,5 điểm - Học sinh không trả lời hoặc trả lời không chính xác: 0.0 điểm.	0,75
	3	- Chỉ ra bftt: - Tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ: + Làm cho câu thơ thêm sinh động, hấp dẫn, gợi hình, gợi cảm + Làm nổi bật những con người có tâm hồn, lối sống đẹp có những hành động tử tế, thiện nguyện giúp cho các hoàn cảnh khó khăn vượt qua nỗi đau và tìm thấy niềm vui. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương tự như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được ý 1 trong đáp án: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời được ý 1 trong đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời sai, không trả lời: 0.0 điểm Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm	1,0
	4	Chủ đề bài thơ:	1,0
	5	Phân tích mạch cảm xúc bài thơ:	1,0
	6	Đoạn văn (khoảng 5-7 câu) thể hiện suy nghĩ về vấn đề rút ra từ văn bản:	1,5
II		LÀM VĂN	4,0 điểm

	Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai văn bản truyện (Trích <i>Quê mẹ</i> của Thanh Tịnh và <i>Cô hàng xén</i> của Thạch Lam).	4,0
	a. <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích văn học.	0,25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> So sánh, đánh giá hai văn bản truyện (Trích <i>Quê mẹ</i> của Thanh Tịnh và <i>Cô hàng xén</i> của Thạch Lam).	0,5
	c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận. * Mở bài: Giới thiệu hai đoạn trích trong truyện ngắn <i>Quê mẹ</i> của Thanh Tịnh và <i>Cô hàng xén</i> của Thạch Lam. Có những mảnh đời lắt lất sau rặng tre, gốc lúa nhưng lại lắt lất trong dòng chữ, câu văn,... Có những Thảo, những Tâm hôm sớm đi về buổi chợ sáng, chợ chiều, buổi đò đông, đò vắng,... mà tấm lòng thơm thảo vẫn bao phủ lên những miền quê mẹ, những mái gianh nghèo. Thanh Tịnh và Thạch Lam đã dành hết những yêu thương cho những người con gái ấy. Trong <i>Quê mẹ</i> và <i>Cô hàng xén</i> chúng ta đã gặp những mảnh đời thực, những yêu thương chân thành nhưng chúng ta cũng bị hấp dẫn bởi những tài năng văn chương hết sức độc đáo. * Thân bài: - Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,... + <i>Quê mẹ</i> xoay quanh nhân vật Thảo, người con gái đi lấy chồng xa, điều kiện nhà chồng không dư dả nên thật lâu cô mới được về quê mẹ ăn giỗ. Để cha mẹ yên lòng và được về mặt cùng bà con họ hàng, Thảo phải tỏ ra có điều kiện, phóng khoáng. Nhưng chính cô cũng mơ hồ nhận ra những vất vả phía trước. Đoạn trích đi sâu diễn tả những tâm tư của Thảo khi nghĩ về chặng đời trước mắt. + <i>Cô hàng xén</i> là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Thạch Lam. Cốt truyện xoay quanh cuộc sống đời thường của nhân vật cô hàng xén tên Tâm với biết bao lo toan khó nhọc từ khi sinh ra đến khi lấy chồng. Trích đoạn trên giúp ta hiểu rõ nét hơn về tính cách, tâm hồn cô hàng xén Tâm. - Những điểm tương đồng, khác biệt giữa hai đoạn trích truyện và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy + Những điểm tương đồng giữa hai đoạn trích: ++ Cả hai đoạn trích đều hướng tới số phận cũng như vẻ đẹp tâm hồn những người phụ nữ Việt Nam trước Cách mạng. Họ vất vả, nghèo túng, nhưng phía sau cái lam lũ, cần cù lại là tấm lòng nhân hậu, vị tha, sẵn sàng hi sinh cho gia đình và người thân. ++ Khai thác hiện thực để gửi vào đó tấm lòng nhân đạo là cách làm giống nhau ở cả Thạch Lam và Thanh Tịnh. ++ Cùng chọn kiểu văn ít gay cấn nhưng lại đậm chất thơ dịu dàng cũng là nét đẹp giống nhau ở hai văn bản.	1,0

++ Điều chọn ngôi kể là ngôi thứ ba, điểm nhìn chủ yếu đặt vào nhân vật trung tâm - những người phụ nữ để thể hiện sự đồng cảm, thấu hiểu chân thành của các nhà văn đối với nhân vật của mình.

+ Những điểm khác biệt và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy:

++ *Quê mẹ:*

+++ Nghệ thuật kể chuyện: Câu chuyện trùng với cốt truyện, các sự việc diễn ra theo trình tự thời gian -> Giúp người đọc hình dung ra sự nhàm tẻ tẻ yếu trong cuộc đời nhân vật Thảo. Truyện không có những biến cố, xung đột gay gắt, mạch truyện tiếp diễn theo tâm tư, lời nói, hành động của nhân vật.

++++ Cách xây dựng nhân vật:

+++++ Qua hành động: Trước khi rời quê mẹ để trở về nhà chồng: sắm sửa đi qua làng Mỹ-Lý; gọi mấy đứa em đến gần; cho mỗi đứa năm xu; hứa sẽ gửi cho mẹ hai cặp quần áo mới để mặc Tết nữa. Về nhà chồng: làm việc từ mai đến chiều; đứng cửa sau vợ vẫn nhìn về làng Quận-Lão.

+++++ Qua tâm trạng: Được khen rộng rãi và biết thương em, cô vui sướng lắm (cao hứng, cảm động quá, khóc nức nở, nhớ đến mẹ nghèo, đến em thơ, nhưng nhớ thì lòng cô lại buồn ngủi, trí cô lại bận rộn). Thương em, thương cha mẹ nên phóng khoáng, rộng rãi, dù bản thân còn nghèo nàn và biết trước mình sẽ nợ nần, vất vả. Cuộc sống lúc nào cũng tối tăm mặt mũi nhưng không lúc nào nguôi thương cha, nhớ mẹ và nghĩ về các em. Tuy vậy, có ngóng trông da diết thì chẳng đường về quê mẹ cũng rất tăm tối

++++ Nghệ thuật ngôn từ: Từ ngữ giản dị, gần gũi, tính biểu cảm cao.

Phương thức tự sự được sự hỗ trợ của yếu tố biểu cảm nên giọng văn tha thiết, lắng sâu, chân thành.

++ *Cô hàng xóm:*

+++ Nghệ thuật kể chuyện: Cũng là ngôi thứ ba nhưng nhà văn Thạch Lam chọn điểm nhìn từ bên trong để dễ dàng bộc lộ tất cả tâm tư nhân vật Tâm. Diễn tiến câu chuyện đi theo những suy tư của nhân vật Tâm về cuộc sống hàng ngày, về cái nhìn thấu suốt cuộc đời chính mình.

+++ Cách xây dựng nhân vật:

++++ Nhân vật hiện lên qua lời nói, cử chỉ, hành động (hành động không có xung đột), qua những suy tư của Tâm, qua những đánh giá của người trần thuật. Tâm phải sống cuộc sống đầy vất vả và bất hạnh: Công việc không ngừng nghỉ, gia cảnh đôi bên đều nghèo khó, con còn nhỏ, mẹ chồng đay nghiến, chồng đánh đập và đòi hỏi tiền bạc. Ý nghĩ của Tâm ở phần cuối vẫn bản như dự cảm cho một số phận chịu nhiều vất vả, thiệt thòi, chịu nhiều đắng cay nhọc nhằn, không lối thoát.

++++ Vẻ đẹp nhân vật Tâm: Thương cha mẹ, thương em, đi sớm về hôm để làm việc, chịu thương, chịu khó, giàu đức hi sinh, tất bật chu đáo bên chồng, bên đẻ.

+++ Nghệ thuật ngôn từ, bút pháp, hình ảnh, chi tiết, câu văn, giọng điệu:

++++ Yếu tố hiện thực hòa quyện với lãng mạn trữ tình.

++++ Những câu văn giàu chất thơ, Thạch Lam khai thác thế giới nội tâm của nhân vật với những cảm xúc mong manh, mơ hồ trong cuộc sống thường ngày. Những biến thái tinh vi của cảnh vật sống bước cùng những chuyển biến tâm lý đầy tinh tế trong nội tâm nhân vật.

++++ Xây dựng những chi tiết nhỏ nhưng làm nên những giá trị lớn.

	++++ Ngôn từ bình dị và tinh tế. ++++ Giọng điệu đầm ấm thâm trầm sâu sắc nhưng chứa đựng bao tình cảm yêu mến. ++++ Câu văn giàu hình ảnh, gợi cảm, trong sáng,... - Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm: + Cả hai nhà văn đều cúi xuống những số phận nghèo khổ, bé mọn, yếu đuối trong xã hội để trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn của họ, để khẳng định: dù có khổ đau, thiệt thòi đến mấy, người phụ nữ Việt Nam nhỏ bé vẫn luôn giữ gìn phẩm chất cao đẹp, luôn bao dung, nhân hậu, vị tha. + Dù cùng viết về người phụ nữ xưa nhưng Thạch Lam dẫn dắt người đọc vào không phải bằng tình tiết, bằng những xung đột gay gắt mà bằng “ hành trình cảm giác” của trái tim; trong khi đó, Thanh Tịnh lại miệt mài theo dòng thời gian để chúng ta hình dung ra hành trình cuộc sống của nhân vật. + Cả hai đoạn trích đều hấp dẫn nhưng mỗi đoạn mang sức cuốn hút riêng, khẳng định nét độc đáo riêng của mỗi phong cách. * Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm truyện khi đặt chúng trong tương quan so sánh. Tâm và Thảo, những cô gái ấy không phải những con người của một thời, họ là những con người của mọi thời. Những yêu thương, những hi sinh, những lo toan vất vả,... tất cả những phẩm chất đó đã tạc lên bức tượng đài người phụ nữ Việt Nam để chúng ta mãi mãi trân quý, ngưỡng mộ và tôn vinh.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Đảm bảo cấu trúc: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. - Triển khai ít nhất được hai luận điểm để làm rõ vấn đề nghị luận. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	1,5
	<i>đ. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5